

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 415/2021/DS-ST
Ngày 29 tháng 10 năm 2021
V/v: “*Bồi thường thiệt hại ngoài
hợp đồng về tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Anh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Oanh.

2. Bà Hoàng Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021 tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2021/TLST-DS, ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc “*Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 430/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1963- Có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Tử D, sinh năm 1954- Có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Phan Văn H1, sinh năm 1973- Có mặt.

Bà Phan Thị H2, sinh năm 1966- Có mặt.

Bà Phan Thị N, sinh năm 1971- Có mặt.

Bà Phan Thị M, sinh năm 1977- Có mặt.

Bà Phan Thị E, sinh năm 1976- Có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 4 năm 2021, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị M, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tử D trình bày:*

Vào năm 1990 bà M lập gia đình cùng ông Phan T, sinh năm 1959 thường trú tại thôn A, xã H và được ông Phan D là bố của ông Phan T cho một thửa đất mà trước đây ông Phan D đã khai hoang để vợ chồng bà M làm nhà và canh tác hoa màu, năm 2008 vợ chồng bà M ly hôn, đến năm 2016 ông Phan T chết, ông Phan Văn H1 là em ruột ông Phan T và các chị em ông Phan T tổ chức cuộc họp gia đình và đồng ý trả lại mảnh đất trên cho bà M để sử dụng canh tác nuôi các con (cuộc họp trả đất chỉ nói miệng, không làm biên bản), đến tháng 7 năm 2019 bà M đã tiến hành cải tạo mảnh đất nói trên và trồng gần 500 cây cà phê, đến đầu năm 2020 khi đi xuống vườn cà phê để chăm sóc thì phát hiện bà Phan Thị H2 đang ở trong rẫy cà phê của bà M, sau khi bà H2 về thì bà M phát hiện 32 gốc cà phê đã bị bà H2 nhổ bật gốc và đã héo, đến 17 giờ 30 phút ngày 25/5/2020 ông Phan Văn H1 cùng các chị em gồm bà H2, bà N, bà M, bà E đã chặt nhổ hết số cà phê của bà M, sự việc đã được Cơ quan cảnh sát điều tra xử lý, kể từ đó đến nay mấy người chặt phá cà phê đã không bồi thường cho bà M, nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Văn H1 cùng các chị em gồm bà H2, bà N, bà M, bà E bồi thường cho bà M các khoản chi phí trồng và chăm sóc gồm các khoản như sau:

Tiền mua cây cà phê giống: $3.000 \text{ đồng} \times 500 \text{ cây} = 1.500.000 \text{ đồng}$.

Tiền máy mức $4.000 \text{ đồng} \times 500 \text{ cây} = 2.000.000 \text{ đồng}$.

Tiền thuê máy mức mương xung quanh rẫy $10.000.000 \text{ đồng}$.

Tiền phân bón hóa học chăm sóc cây trồng $6.000.000 \text{ đồng}$.

Tiền phân chuồng và phân vi sinh $8.000.000 \text{ đồng}$.

Tiền chi phí và chăm sóc công làm cỏ $70 \times 200.000 \text{ đồng} = 14.000.000 \text{ đồng}$.

Tiền thuê trồng cà phê $10 \text{ công} \times 200.000 \text{ đồng} = 2.000.000 \text{ đồng}$.

Tiền thuê công máy tưới và công tưới cà phê $24.000.000 \text{ đồng}$.

Tiền thuốc bảo vệ thực vật và công phun thuốc $12.000.000 \text{ đồng}$.

Tiền mua giống đậu đỏ, giống Ngô và tiền công gieo hạt, công phun thuốc và mua thuốc diệt mầm cỏ không $2.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng các chi phí từ ngày trồng đến ngày bị chặt phá là $81.500.000 \text{ đồng}$.

Bà M yêu cầu ông Phan Văn H1, bà Phan Thị H2, bà Phan Thị N, bà Phan Thị M, bà Phan Thị E có trách nhiệm bồi thường cho bà M tổng số tiền $81.500.000 \text{ đồng}$, chia theo phần mỗi người phải bồi thường cho bà M $16.300.000 \text{ đồng}$.

Ông Phan Văn H1, bà Phan Thị H2, bà Phan Thị N, bà Phan Thị M, bà Phan Thị E nói rằng cho bà M mượn đất để trồng cây màu ngắn ngày, nhưng

sau đó bà M đã trồng cây cà phê và yêu cầu bà M phải chặt cây cà phê đi là hoàn toàn không đúng, đề nghị Tòa án xem xét.

** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Phan Văn H1, bà Phan Thị H2, bà Phan Thị N, bà Phan Thị M, bà Phan Thị E trình bày:*

Năm 1983, ông Phan D là bố chúng tôi có khai hoang một mảnh đất khoảng 10.000 m² ở thôn A, xã H, huyện K. Ông D chưa làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, năm 1990 anh trai chúng tôi là Phan T lập gia đình, bố chúng tôi là Phan D có cho diện tích đất khoảng 4 sào nằm trong diện tích đất khoảng 10.000 m² mà bố chúng tôi đã khai hoang để làm ăn. Đến năm 1998 anh Phan T có chuyển nhượng lại lô đất khoảng 4 sào cho em trai là Phan Văn H1 (lô đất ông Phan D cho năm 1990). Một thời gian lâu sau bố chúng tôi thấy hoàn cảnh của anh Phan T khó khăn, cho nên bố chúng tôi mới cho anh Phan T mượn tạm số đất của gia đình để tạm làm màu ăn, cho đến năm 2008 anh trai chúng tôi Phan T đã ly hôn với bà Phạm Thị M, rồi anh Thông về ở với gia đình chúng tôi và mẹ chúng tôi, rồi mẹ chúng tôi lấy số đất mà trước kia mẹ tôi cho anh Phan T mượn tạm để làm ăn. Cho đến năm 2013 thì anh Thông chết, thấy hoàn cảnh của bà M khó khăn cho nên chị em chúng tôi có cho bà M mượn tạm số đất của gia đình để làm màu và có giao ước là không được trồng cây lâu năm (cây cà phê), việc cho mượn chỉ nói miệng không lập văn bản, cho đến năm 2019, thấy bà M lại trồng cây cà phê trên mảnh đất mà chị em chúng tôi cho mượn. Chị em chúng tôi không đồng ý và nhiều lần yêu cầu bà M phải nhổ hết số cây cà phê trồng trên mảnh đất của gia đình chúng tôi cho mượn và trả lại đất cho gia đình tôi, nhưng bà M không chịu nhổ (việc yêu cầu bà M nhổ cây cà phê không lập biên bản), đến năm 2020 thì bà M làm đơn kiện ra xã và xã có mời chị em chúng tôi ra xã giải quyết và xã có nói rằng đất của gia đình thì có quyền cho hoặc lấy lại, đến ngày 25/5/2020 năm chị em chúng tôi lấy lại đất và cày trồng nghệ, năm chị em chúng tôi nhổ hết số cà phê do bà M trồng. Trước lúc nhổ thì chúng tôi cũng yêu cầu bà M tự nhổ nhiều lần, bà M không nhổ nên năm chị em chúng tôi mới nhổ.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu chúng tôi có trách nhiệm bồi thường cho bà M tổng số tiền 81.500.000 đồng, chia theo phần mỗi người phải bồi thường cho bà M 16.300.000 đồng chúng tôi hoàn toàn không đồng ý vì, đất của bố chúng tôi ông Phan D chết để lại, chúng tôi thấy hoàn cảnh bà M khó khăn nên cho mượn trồng cây hoa màu nhưng bà M đã trồng cây cà phê dài ngày trên đất cho mượn, chúng tôi đã yêu cầu bà M phải tự nhổ cây cà phê để trả lại đất cho gia đình chúng tôi, nhưng bà M không đồng ý nên chúng tôi mới nhổ để lấy lại đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham dự phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 588, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M: Buộc ông Phan Văn H1, bà Phan Thị H2, bà Phan Thị N, bà Phan Thị E, bà Phan Thị M phải bồi thường cho bà Phạm Thị M số tiền là 24.364.500 đồng (*hai mươi bốn triệu, ba trăm sáu mươi bốn nghìn, năm trăm đồng*). Chia theo phần ông Phan Văn H1, bà Phan Thị H2, bà Phan Thị N, bà Phan Thị E, bà Phan Thị M mỗi người phải bồi thường 4.872.900 đồng (*Bốn triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm đồng*).

Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M yêu cầu ông Phan Văn H1, bà Phan Thị H2, bà Phan Thị N, bà Phan Thị E, bà Phan Thị M bồi thường số tiền 57.135.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị M đề ngày 13 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật là "*Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản*" được quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện, các bị đơn cư trú tại Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được xác định: Năm 1983, ông Phan D (sinh năm 1929, cư trú tại thôn A, xã H, huyện K) làm đơn xin chính quyền và khai hoang một mảnh đất khoảng 10.000 m² ở thôn A, xã H, huyện K. Ông D chưa làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với mảnh đất nêu trên. Năm 1990, ông Phan Văn T (con trai ruột ông Phan D) kết hôn với bà Phạm Thị M, Ông D cho vợ chồng ông T, bà M sử dụng một phần diện tích đất khoảng 4.000 m² trong diện tích đất khai hoang. Ngày 18/6/1998, ông T sang nhượng mảnh đất này cho em trai là ông Phan Văn H1. Đến năm 2007 ông H đã sang nhượng mảnh đất nhận chuyển nhượng

cho hộ ông Phan Đức B và bà Trần Thị H cùng trú tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Năm 2008, sau khi ly hôn, ông T về sống chung với ông H, 02 anh em ông tiếp tục canh tác trên mảnh đất còn lại Ông D khai hoang. Một thời gian sau khi ông T chết, vào khoảng năm 2016, ông H và các chị em của ông cho bà M mượn mảnh đất còn lại do Ông D khai hoang. Mảnh đất này được xác nhận thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 22 có diện tích 5.685 m² tại thôn A, xã H, huyện K (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) để trồng hoa màu và chỉ nói bằng miệng, không lập biên bản cho mượn đất. Đến khoảng tháng 7 năm 2019, bà M trồng cây cà phê trên mảnh đất nêu trên. Khi biết bà M trồng cà phê, các chị em nhà ông H đã yêu cầu bà M nhổ cây cà phê trả lại đất. Đầu năm 2020, xảy ra tranh chấp về quyền sử dụng mảnh đất trên giữa gia đình ông H và bà M. Hai bên đã lên Ủy ban nhân dân xã H làm việc nhưng không thống nhất được. Sáng ngày 25/5/2020, ông H và các chị em của ông H gồm: Phan Thị H2, Phan Thị N, Phan Thị E, Phan Thị M mang cây nghệ con và các dụng cụ trồng nghệ để cày xới mảnh đất này trồng nghệ, ông H và các chị em của ông đã chặt nhỏ 439 cây cà phê bà M trồng trên đất.

Tại Bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 22/KL-HĐĐG ngày 30/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Krông Pắc, kết luận: 439 (bốn trăm ba mươi chín) cây cà phê với (giai đoạn thiết cơ bản, trồng mới và chăm sóc dưới 12 tháng) loại B, với trị giá là: 439 (cây cà phê) × 55.500 (đồng/cây cà phê) = 24.364.500 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã xác định được thửa đất số 51, tờ bản đồ số 22, diện tích 5.685m² ở thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng nguồn gốc mảnh đất này do ông Phan D khai hoang. Ông D, bà Kiện (vợ Ông D) chết không để lại di chúc. Do đó, quyền thừa kế mảnh đất thuộc về các con Ông D bà Kiện. Tuy nhiên, việc ông H và các chị em của ông lấy lại đất và chặt nhỏ các cây cà phê do bà M trồng trên đất đã gây thiệt hại về tài sản cho bà M.

Sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Ngày 13/4/2021, bà M làm đơn khởi kiện đến tòa án yêu cầu ông H, bà H2, bà N, bà M, bà E có trách nhiệm bồi thường cho bà 81.500.000 đồng, chia theo phần mỗi người phải bồi thường cho bà M 16.300.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 584 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

“Người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác”.

Theo quy định tại Điều 589 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

“Thiệt hại do tài sản bị xâm phạm bao gồm:

1. Tài sản bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng”

Vì vậy, bà M khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông H, bà H2, bà N, bà M, bà E phải bồi thường tài sản bị xâm hại là có cơ sở.

Tuy nhiên về số tiền bồi thường là chưa hợp lý, bởi lẽ Bà M yêu cầu bồi thường toàn bộ chi phí bà bỏ ra để mua giống, trồng và chăm sóc 500 cây cà phê, đậu Đỏ, Ngô là 81.500.000 đồng, nhưng bà M không chứng minh được việc bà bị nhổ cây cà phê thiệt hại 81.500.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và thành lập Hội đồng định giá tài sản nhưng không định giá được vì lý do tài sản không còn.

Căn cứ vào bản kết luận về việc định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 22/KL-HĐĐG ngày 30/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Krông Pắc, kết luận: 439 (bốn trăm ba mươi chín) cây cà phê với (giai đoạn thiết cơ bản, trồng mới và chăm sóc dưới 12 tháng) loại B, với trị giá là: $439 (\text{cây cà phê}) \times 55.500 (\text{đồng/cây cà phê}) = 24.364.500 \text{ đồng}$. Tổng giá trị tài sản được định giá tại thời điểm bị chặt, nhổ ngày 25/5/2020 là 24.364.500 đồng.

Như vậy, thực tế các cây cà phê bà M trồng chưa được 12 tháng và HĐĐG đã định giá, giá trị thiệt hại của 439 cây cà phê với giai đoạn thiết cơ bản, trồng mới và chăm sóc dưới 12 tháng đã bao gồm các chi phí cơ bản để có thể hình thành nên cây cà phê tại thời điểm bị xâm hại là 24.364.500 đồng. Mặt khác bà M cho rằng bà bị hủy hoại 500 cây cà phê và đậu đỏ, ngô. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì bà M chỉ bị hủy hoại 439 cây cà phê ngoài ra không bị hủy hoại tài sản, cây trồng nào khác. Tại phiên Tòa bà M cũng khẳng định sau khi nhận kết quả định giá tài sản bà hoàn toàn đồng ý với kết quả định giá là 24.364.500 đồng, bà M không khiếu nại gì về kết quả của hội đồng định giá, do vậy chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc ông H, bà H2, bà N, bà M, bà E phải bồi thường cho bà M số cây cà phê bị thiệt hại theo kết quả định giá là 24.364.500 đồng.

Chia theo phần ông Phan Văn H1, bà Phan Thị H2, bà Phan Thị N, bà Phan Thị E, bà Phan Thị M mỗi người phải bồi thường cho bà M số tiền là 4.872.900 đồng.

Cần bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M đối với số tiền bà M yêu cầu bồi thường là 57.135.500 đồng.

[3] Về chi phí tố tụng: Để có căn cứ giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí cụ thể như sau:

Tiền chi phí thẩm định ngày 25/6/2021 là 1.200.000 đồng.

Tiền chi phí định giá tài sản ngày 29/6/2021 là 1.800.000 đồng.

Tổng cộng là: 3.000.000 đồng.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần bị đơn ông Phan Văn H1, bà Phan Thị H2, bà Phan Thị N, bà Phan Thị E, bà Phan Thị M phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 1.500.000 đồng, số tiền này nguyên đơn bà Phạm Thị M đã nộp tạm ứng nên bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền trên, chia theo phần mỗi người phải trả cho bà M 300.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M không được chấp nhận một phần, nên nguyên đơn bà M phải chịu $\frac{1}{2}$ là 1.500.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị M được chấp nhận một phần với số tiền 24.364.500 đồng, chia theo phần ông Phan Văn H1, bà Phan Thị H2, bà Phan Thị N, bà Phan Thị E, bà Phan Thị M mỗi người phải bồi thường cho bà M số tiền là 4.872.900 đồng, nên mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Phạm Thị M thuộc hộ Cận nghèo, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà M.

[5] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ, HĐXX chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 588, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Phạm Thị M.

1. Buộc ông Phan Văn H1, bà Phan Thị H2, bà Phan Thị N, bà Phan Thị E, bà Phan Thị M phải bồi thường cho bà Phạm Thị M số tiền là 24.364.500 đồng (*hai mươi bốn triệu, ba trăm sáu mươi bốn nghìn, năm trăm đồng*). Chia theo phần ông Phan Văn H1, bà Phan Thị H2, bà Phan Thị N, bà Phan Thị E, bà Phan Thị M mỗi người phải bồi thường cho bà Phạm Thị M số tiền 4.872.900 đồng (*Bốn triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm đồng*).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 BLDS năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M yêu cầu ông Phan Văn H1, bà Phan Thị H2, bà Phan Thị N, bà Phan Thị E, bà Phan Thị M bồi thường số tiền 57.135.500 đồng.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

Buộc bị đơn ông Phan Văn H1, bà Phan Thị H2, bà Phan Thị N, bà Phan Thị E, bà Phan Thị M mỗi người phải trả cho bà Phạm Thị M số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); Bà Phạm Thị M phải chịu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), tiền xem chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Được khấu trừ vào số tiền bà M đã nộp tạm ứng, nên bà M không phải nộp nữa.

3. Về án phí: ông Phan Văn H1, bà Phan Thị H2, bà Phan Thị N, bà Phan Thị E, Phan Thị M mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị M.

Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Chu Anh Hùng